

Lộc Quang, ngày 17 tháng 9 năm 2026

ĐỀ CƯƠNG
SINH HOẠT “NGÀY PHÁP LUẬT” THÁNG 9 NĂM 2026

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của Chủ tịch UBND xã Lộc Quang về việc thành lập Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật xã Lộc Quang;

Thực hiện Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 09/01/2026 của Chủ tịch UBND xã về Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2026. Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật xã Lộc Quang triển khai các văn bản với những nội dung sau:

- **Chủ đề:** Phổ biến một số nội dung liên quan Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và Công văn số 9322/UBND-NC về triển khai thực hiện Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26/8/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

- **Nội dung:** Chủ yếu triển khai một số thông tin cần thiết nhằm giúp cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân nắm bắt được thông tin trong văn bản, còn nội dung cụ thể của văn bản sẽ được đính kèm theo Đề cương này để tiện cho các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức và nhân dân nghiên cứu sâu hơn.

Cụ thể như sau:

I. Những nội dung cơ bản của Nghị định 311/2026/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 189/2025/NĐ-CP về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Ngày 06/8/2026, Chính phủ ban hành Nghị định 311/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 189/2025/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Nghị định 311/2026/NĐ-CP tập trung cập nhật, bổ sung các chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phù hợp với cơ cấu tổ chức của các bộ, ngành, địa phương hiện nay.

Một số nội dung đáng chú ý gồm:

Thứ nhất, sửa đổi thẩm quyền xử phạt của nhiều chức danh thuộc các bộ, ngành và địa phương. Theo Điều 1 Nghị định 311/2026/NĐ-CP, danh sách chức danh tại Điều 6 Nghị định 189/2025/NĐ-CP được cập nhật, trong đó có Chi cục trưởng thuộc nhiều lĩnh vực; Giám đốc sở, Chánh Thanh tra tỉnh; nhiều Cục

trưởng thuộc các Bộ Tư pháp, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Y tế...

Đồng thời, Nghị định cũng quy định lại thẩm quyền của Trưởng đoàn kiểm tra, tùy theo người có thẩm quyền thành lập đoàn kiểm tra.

Thứ hai, sửa đổi thẩm quyền của lực lượng thanh tra và Công an. Điều 2 cập nhật các chức danh thanh tra viên, trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra có thẩm quyền xử phạt. Điều 3 sửa đổi khoản 5 Điều 8 Nghị định 189/2025/NĐ-CP, cập nhật các chức danh thuộc các đơn vị nghiệp vụ của Bộ Công an và Công an cấp tỉnh.

Thứ ba, sửa quy định về thẩm quyền xử phạt của Hải quan. Theo Điều 4 Nghị định 311/2026/NĐ-CP quy định thẩm quyền của Hải quan đối với hành vi khai sai làm thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu; trốn thuế và một số hành vi liên quan đến quản lý thuế được thực hiện theo Luật Quản lý thuế 108/2025/QH15.

Thứ tư, quy định lại thẩm quyền của cơ quan thi hành án dân sự. Chấp hành viên đang thi hành công vụ được phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 20% mức tiền phạt tối đa của lĩnh vực tương ứng và tịch thu tang vật, phương tiện trong giới hạn quy định. Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, Trưởng phòng Phòng Thi hành án cấp quân khu được phạt tiền đến 50% mức tối đa; Cục trưởng có thẩm quyền phạt đến mức tối đa của lĩnh vực tương ứng.

Thứ năm, sửa thẩm quyền của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không và Cảng vụ đường thủy nội địa. Trưởng đại diện Cảng vụ được phạt tiền đến 25% mức tối đa của lĩnh vực tương ứng; Giám đốc Cảng vụ được phạt đến 50%, đồng thời có thẩm quyền áp dụng một số hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định.

Nghị định 311/2026/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 26/9/2026. Nghị định cũng có quy định chuyển tiếp đối với các chức danh chưa được quy định thẩm quyền tại nghị định xử phạt chuyên ngành hoặc có sự thay đổi về thẩm quyền xử phạt, nhằm bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính không bị gián đoạn.

* **Nguồn sưu tầm và biên tập từ:** <https://luatvietnam.vn/tin-van-ban-moi-da-co-nghi-dinh-311-2026-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-189-2025-nd-cp-ve-tham-quyen-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-186-111240-article.html>.

II. Một số nội dung cơ bản của Nghị định số 337/2026/NĐ-CP ngày 26/8/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

Ngày 26/8/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 337/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin. Nghị định tập trung quy định về các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin; biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc

thiếu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn; việc rà soát, phân loại, bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp; trình tự, thủ tục, mẫu văn bản trong cung cấp thông tin theo yêu cầu; cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số; theo dõi, kiểm tra, báo cáo; chi phí tiếp cận thông tin và kinh phí bảo đảm thực hiện.

Sau đây là những nội dung chính của Nghị định số 337/2026/NĐ-CP, được tóm lược để cơ quan, đơn vị và người dân dễ theo dõi:

1. Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin gắn với yêu cầu quản lý, bảo vệ thông tin

Nghị định quy định các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, bao gồm: đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng công nghệ số trong cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương; vận hành, duy trì và phát triển cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, các kênh thông tin, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị; duy trì, lưu giữ, cập nhật, quản lý cơ sở dữ liệu thông tin của cơ quan, đơn vị, bảo đảm thông tin có hệ thống, đầy đủ, toàn diện, dễ dàng tra cứu, tải về, sử dụng; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và quy trình để quản lý, bảo vệ thông tin theo quy định của pháp luật; nâng cao chất lượng công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và các điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu cung cấp thông tin được sao, chụp, tải về văn bản, hồ sơ, tài liệu, trừ trường hợp pháp luật có liên quan quy định khác; tăng cường cung cấp thông tin thông qua hoạt động của người phát ngôn của cơ quan, đơn vị nếu có, trên phương tiện thông tin đại chúng và qua mạng Internet; bồi dưỡng nâng cao năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ cung cấp thông tin; bố trí hợp lý nơi tiếp nhận, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin phù hợp với điều kiện của từng cơ quan, đơn vị.

2. Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhóm đối tượng cần hỗ trợ

Đối với người khuyết tật, Nghị định quy định việc trang bị, sử dụng công nghệ, thiết bị hỗ trợ phù hợp với dạng tật; tạo điều kiện sử dụng thiết bị nghe, nhìn, thiết bị phụ trợ và phương tiện kỹ thuật cá nhân; bố trí người hướng dẫn, giải thích, giúp đỡ khi người yêu cầu gặp khó khăn trong việc điền, ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hoặc tiếp cận thông tin, căn cứ vào điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị.

Thông tin thuộc khoản 1 Điều 17 của Luật Tiếp cận thông tin liên quan trực tiếp tới đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người khuyết tật phải được kịp thời công khai trên phương tiện thông tin đại chúng dưới hình thức thuận lợi cho người khuyết tật; kiến thức, kinh nghiệm cung cấp thông tin đối với người khuyết tật được lồng ghép trong chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ cho đầu mối cung cấp thông tin.

Đối với người dân tộc thiểu số và người sinh sống tại khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã

hội khó khăn và đặc biệt khó khăn, việc cung cấp thông tin được thực hiện bằng các hình thức phù hợp với từng đối tượng, điều kiện của địa bàn và điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị.

Các hình thức cung cấp thông tin bao gồm: thông qua cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, cổng dữ liệu, các kênh thông tin, trang cộng đồng chính thức của cơ quan, đơn vị; hệ thống phát thanh, truyền hình, trong đó có chương trình phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc và hệ thống thông tin cơ sở; tài liệu chuyên đề, tờ rời, tờ gấp, ấn phẩm, video bằng tiếng dân tộc hoặc bằng hình ảnh trực quan, dễ hiểu phù hợp với các đối tượng này.

Cơ quan, đơn vị, địa phương có thể tổ chức sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt cộng đồng để chia sẻ thông tin; phát huy vai trò của già làng, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, người có uy tín trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; lồng ghép hoạt động cung cấp thông tin trong các sự kiện văn hóa, chính trị, xã hội, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và truyền thông chính sách mới trên địa bàn.

Thông tin thuộc khoản 1 Điều 17 của Luật Tiếp cận thông tin liên quan trực tiếp tới đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của các đối tượng này phải được kịp thời công khai trên phương tiện thông tin đại chúng dưới hình thức thuận lợi; đối với thông tin liên quan đến cơ chế, chính sách của người dân sinh sống tại các khu vực, vùng này, Nghị định quy định tăng thời lượng truyền, phát bản tin.

3. Trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin

Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin phải thực hiện các biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân; xác định đơn vị, cá nhân làm đầu mối cung cấp thông tin; ban hành Quy chế cung cấp thông tin hoặc lồng ghép nội dung này vào Quy chế nội bộ; bảo đảm việc công khai, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ, minh bạch, thuận lợi theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Trường hợp phát hiện thông tin đã công khai hoặc cung cấp không chính xác, không đầy đủ thì cơ quan, đơn vị phải kịp thời xử lý theo quy định tại Điều 22 và Điều 28 của Luật Tiếp cận thông tin. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm bảo đảm thực hiện nhiệm vụ cung cấp thông tin và kịp thời xử lý người thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi cản trở quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của pháp luật.

Đơn vị đầu mối cung cấp thông tin có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý yêu cầu; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý yêu cầu; cung cấp thông tin, gia hạn hoặc từ chối cung cấp thông tin theo quy định; hướng dẫn, hỗ trợ người yêu cầu xác định rõ văn bản, hồ sơ, tài liệu có chứa thông tin cần cung cấp; tiếp nhận, xử lý hoặc phối hợp xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về việc cung cấp thông tin; theo dõi, đôn đốc và tổng hợp tình hình, kết quả công tác cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan, đơn vị.

4. Danh mục thông tin phải được công khai và chuyên mục tiếp cận thông tin

Đơn vị chủ trì tạo ra thông tin xác định thông tin thuộc Danh mục thông tin phải được công khai theo Điều 17 của Luật Tiếp cận thông tin và chuyển đến đơn vị đầu mối cung cấp thông tin; đơn vị đầu mối lập, cập nhật Danh mục theo quy chế của cơ quan, đơn vị.

Danh mục gồm tên, số, ký hiệu của văn bản hoặc hồ sơ, tài liệu; ngày, tháng, năm tạo ra văn bản hoặc hồ sơ, tài liệu; hình thức công khai. Trường hợp thông tin đang được công khai tại các cơ sở dữ liệu khác nhau hoặc đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử thì Danh mục gồm tên văn bản hoặc tên hồ sơ, tài liệu và chỉ dẫn địa chỉ truy cập đối với thông tin đó.

Danh mục thông tin phải được công khai được đăng tải trên Chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin. Trường hợp chưa có cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử thì Danh mục được công khai trên cổng dữ liệu, các kênh thông tin, trang cộng đồng chính thức hoặc bằng hình thức thích hợp khác.

5. Rà soát, phân loại và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp

Đơn vị chủ trì tạo ra thông tin có trách nhiệm rà soát, kiểm tra, xác định nội dung thông tin trong văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật Tiếp cận thông tin; sử dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp với đặc điểm, tính chất của văn bản, hồ sơ, tài liệu để loại bỏ các thông tin này trước khi chuyển cho đơn vị đầu mối cung cấp thông tin.

Đối với hồ sơ, tài liệu có chứa cả thông tin công dân không được tiếp cận, thông tin công dân được tiếp cận và các phần thông tin có thể được phân tách hợp lý, đơn vị chủ trì tạo ra thông tin có trách nhiệm rà soát, phân tách một phần hồ sơ, tài liệu chứa thông tin công dân được tiếp cận trước khi chuyển cho đơn vị đầu mối cung cấp thông tin.

Việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật để phân tách thông tin phải bảo đảm phù hợp với các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định của pháp luật khác có liên quan, phù hợp với điều kiện và nguồn lực thực hiện của cơ quan, đơn vị, không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, đơn vị.

7. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu

Hồ sơ yêu cầu cung cấp thông tin gồm Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin theo Mẫu số 01a hoặc Mẫu số 01b ban hành kèm theo Nghị định. Đối với yêu cầu cung cấp thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 16 của Luật Tiếp cận thông tin thì phải kèm theo Văn bản chấp thuận của cá nhân, tổ chức liên quan theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định.

Trường hợp Phiếu yêu cầu chưa đầy đủ nội dung thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn người yêu cầu bổ sung. Việc khai thác, đối chiếu, xác thực thông tin của người yêu cầu được thực hiện thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu chuyên ngành có liên quan hoặc bằng giấy tờ, thông tin cần thiết theo quy định của pháp luật.

8. Thời hạn giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin

- Đối với **thông tin đơn giản, có sẵn**, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin chậm nhất trong thời hạn **03 ngày làm việc** kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ.

Trường hợp người yêu cầu đề nghị cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan, đơn vị thì cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tạo điều kiện để người yêu cầu trực tiếp sao, chụp, tải về văn bản, hồ sơ, tài liệu hoặc cung cấp ngay thông tin theo yêu cầu, phù hợp với điều kiện của cơ quan, đơn vị.

- Đối với **thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan, đơn vị đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác**, trong thời hạn **12 ngày** kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin phải cung cấp thông tin theo yêu cầu hoặc thông báo từ chối yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 27 của Luật Tiếp cận thông tin.

Trường hợp cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, phân tách, tập hợp, sao chép hoặc xử lý thông tin được yêu cầu cung cấp, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể gia hạn việc cung cấp thông tin nhưng **tối đa không quá 12 ngày** và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu trước khi hết thời hạn cung cấp thông tin.

Việc sao, chụp, tải về văn bản, hồ sơ, tài liệu theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Tiếp cận thông tin được thực hiện dưới sự hướng dẫn, giám sát của cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin.

9. Cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp

Việc yêu cầu cung cấp thông tin của công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp được thực hiện trong trường hợp **nhiều người trong tổ chức có cùng yêu cầu tiếp cận đối với thông tin giống nhau**.

Tổ chức có trách nhiệm cử người đại diện để thực hiện việc yêu cầu cung cấp thông tin.

Người đại diện có trách nhiệm lập **Danh sách cá nhân có yêu cầu thông tin**, gửi Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin theo **Mẫu số 01b** ban hành kèm theo Nghị định đến cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin và thực hiện việc yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định.

10. Chuyển đổi số trong cung cấp thông tin

Trong cung cấp thông tin trên môi trường số, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm bố trí, sử dụng ngân sách nhà nước để trang bị phương

tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và các điều kiện cần thiết khác; có biện pháp khuyến khích việc cung cấp thông tin theo hình thức quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 của Luật Tiếp cận thông tin; ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, kiểm tra tình hình giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin; tăng cường theo dõi, kiểm tra trực tuyến, từ xa dựa trên dữ liệu.

Việc cung cấp thông tin trên môi trường số phải bảo đảm các yêu cầu về tính chính xác, toàn vẹn và tính xác thực của thông tin được cung cấp, phù hợp với các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định của pháp luật khác có liên quan.

Trên cơ sở điều kiện thực tế, cơ quan, đơn vị được khuyến khích ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số khác trong hoạt động cung cấp thông tin, phù hợp với quy định của pháp luật.

11. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và báo cáo

Bộ Tư pháp có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc thực hiện pháp luật về tiếp cận thông tin; tổng hợp tình hình thực hiện pháp luật về tiếp cận thông tin để báo cáo theo quy định.

Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp tình hình thực hiện pháp luật về tiếp cận thông tin thuộc phạm vi quản lý của mình và của đơn vị sự nghiệp công lập có nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu do mình quản lý, báo cáo định kỳ **03 năm** hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

12. Chi phí, kinh phí thực hiện và hiệu lực thi hành

Người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí tiếp cận thông tin trước khi cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin, trừ trường hợp không phải trả chi phí theo khoản 2 Điều 25 của Luật Tiếp cận thông tin và quy định của pháp luật khác có liên quan. Kinh phí thực hiện việc cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước do ngân sách nhà nước bảo đảm; việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực thi hành, cơ quan, đơn vị phải hoàn thành việc ban hành Quy chế cung cấp thông tin hoặc Quy chế nội bộ có nội dung lồng ghép về cung cấp thông tin; xây dựng Chuyên mục về tiếp cận thông tin trong trường hợp có cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử.

Kể từ ngày Nghị định **số 337/2026/NĐ-CP** có hiệu lực thi hành kể từ **ngày 01/9/2026**, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin **hết hiệu lực**./.

Trên đây là nội dung Đề cương sinh hoạt “Ngày Pháp luật” tháng 02 năm 2026 của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật xã Lộc Quang./.

* Nguồn sưu tầm và biên tập từ: <https://sotuphap.daklak.gov.vn/hoan-thien-quy-dinh-ve-bao-dam-quyen-tiep-can-thong-tin-cua-cong-dan-15481.html>

Nơi nhận:

- TT, ĐU; TT, HĐND xã;
- Ủy ban KTĐU xã; Ban XDĐ xã;
- BTT UBMTTQ Việt Nam xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã; cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã;
- Lưu: VT, VP. (Thực)

**TM. HỘI ĐỒNG PHPBGDPL XÃ
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Q. CHÁNH VP. HĐND-UBND
Vũ Thị Thêu